

Số: 53 /TB-AP

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 05 năm 2025

THÔNG BÁO BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Về việc bán đấu giá Quyền sử dụng 78 lô đất ở tại khu dân cư mới thôn Quảng Thắng, Quảng Cống, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa (đợt 3)

1. Tên, địa chỉ của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Công ty đấu giá hợp danh Anh Phát. Địa chỉ: Lô BT20, MBQH 1858/UBND-QLĐT, phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Người có tài sản đấu giá, nơi có tài sản đấu giá:

a) Người có tài sản đấu giá: UBND huyện Thạch Thành; Địa chỉ: Khu 4, thị trấn Kim Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa

b) Nơi có tài sản: Xã Thạch Quảng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

3. Tài sản đấu giá: Quyền sử dụng 78 lô đất ở khu dân cư mới thôn Quảng Thắng, Quảng Cống, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa (đợt 3)

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở.

- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

- Mục đích đấu giá: Khai thác quỹ đất tạo nguồn thu xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế.

4. Giá khởi điểm, tiền mua hồ sơ đấu giá:

a) Giá khởi điểm: Từ 424.866.000 đồng - đến 1.750.460.400 đồng/lô

b) Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá: Từ 100.000 đồng – đến 200.000 đồng /01 hồ sơ (Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá không được hoàn trả lại trừ trường hợp Pháp luật có quy định).

5. Tiền đặt trước: Từ 84.973.000 đồng – đến 350.092.000 đồng /01 hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá.

6. Cách thức nộp tiền đặt trước:

Khách hàng tham gia đấu giá nộp tiền đặt trước vào tài khoản số: 1188866666. Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa

Tên Tài khoản: Công ty đấu giá hợp danh Anh Phát

Thời gian nộp: Từ 07h00 phút ngày 02/06/2025 đến 17h00 phút ngày 18/06/2025.

***Nội dung:** Họ tên người nộp tiền –CC/ CCCD nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá QSD đất với ... lô đất, xã Thạch Quảng, huyện Thạch Thành . Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A 0389999999 nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá QSD đất với 06 lô đất xã Thạch Quảng, huyện Thạch Thành

*Khách hàng phải nộp đủ số tiền đặt trước theo quy định và đảm bảo báo có trong tài khoản nêu trên của Công ty đấu giá hợp danh Anh Phát **chậm nhất đến 17h00 phút ngày 18/06/2025**. Nếu đến thời hạn nêu trên, người tham gia đấu giá chưa nộp, nộp chưa đủ, chưa báo có hoặc báo có chưa đủ số tiền đặt trước vào tài khoản của Công ty đấu giá hợp danh Anh Phát thì không đủ điều kiện tham gia phiên đấu giá.

7. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá:

- Hình thức đấu giá: Đấu giá 01 (một) vòng, bỏ phiếu kín trực tiếp tại phiên đấu giá đồng loạt cho 78 lô đất

- Phương thức đấu giá: Trả giá lên.

8. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá (Trong giờ hành chính).

- Thời gian: Từ ngày 09/06/2025 đến hết ngày 11/06/2025.

- Địa điểm: Khu đất đấu giá xã Thạch Quảng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa

9. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, thu hồ sơ (Trong giờ hành chính):

- Thời gian, địa điểm bán hồ sơ:

Tại Trụ sở Công ty đấu giá Anh Phát và UBND xã Thạch Quảng: Từ 07h00 phút ngày 02/06/2025 đến 17h00 phút ngày 18/06/2025.

- Thời gian, địa điểm thu hồ sơ (Trong giờ hành chính):

+Tại Trụ sở Công ty đấu giá Anh Phát : Từ 07h00 phút ngày 02/06/2025 đến 17h00 phút ngày 18/06/2025.

+ Tại UBND xã Thạch Quảng: Từ 08h00 phút đến 16h30 phút ngày 18/06/2025

10. Người được tham gia đấu giá, điều kiện tham gia đấu giá quyền sử dụng đất và cách thức đăng ký tham gia đấu giá

a) Người được tham gia đấu giá: Cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất quy định tại Điều 119 của Luật Đất đai năm 2024.

b) Điều kiện tham gia đấu giá quyền sử dụng đất: Thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất quy định tại Điều 119 của Luật Đất đai năm 2024 và bảo đảm các quy định tại khoản 4, Điều 125 Luật Đất đai 2024 và có đủ điều kiện tham gia đấu giá theo quy định tại Điều 38 của Luật đấu giá tài sản 2024.

c) Cách thức đăng ký tham gia đấu giá: Khách hàng có nhu cầu tham gia đấu giá mua hồ sơ, đăng ký và xem tài sản đấu giá, nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá hợp lệ và nộp tiền đặt trước theo thời gian quy định trong Thông báo và trong Quy chế cuộc đấu giá do Công ty đấu giá hợp danh Anh Phát ban hành.

11. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá:

- Bắt đầu từ 08h30 phút ngày 21/06/2025 tại Hội trường UBND xã Thạch Quảng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa

Lưu ý: Người tham gia đấu giá phải có mặt tại địa điểm tổ chức phiên đấu giá trước thời gian bắt đầu phiên đấu giá 30 phút để thực hiện điểm danh vào phòng đấu giá. Người tham gia đấu giá mang theo CC/CCCD/Hộ chiếu bản chính, Văn bản ủy quyền (nếu có). Thông báo này thay cho Giấy mời tham gia phiên đấu giá

Khách hàng tham gia đấu giá tài sản nếu cần biết thêm thông tin chi tiết thì liên hệ: Công ty đấu giá hợp danh Anh Phát qua số ĐT: 097.550.8686 (Trong giờ hành chính).

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa (Để đăng thông báo);
- Cổng đấu giá tài sản Quốc gia (Để đăng thông báo);
- Báo Thanh Hoá (Để đăng thông báo);
- UBND huyện Thạch Thành (Để B/c);
- UBND xã Thạch Quảng (Để niêm yết);
- Khách hàng tham gia đấu giá;
- Công ty (Niêm yết, lưu hs, Văn thư).

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Quản Thị Hằng

**DANH MỤC 78 LÔ ĐẤT TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
TẠI MBQH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ THẠCH QUẢNG, HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**

*(Kèm theo Thông báo số 53 /TB-AP ngày 29/05/2025 của Công ty đấu giá hợp danh
Anh Phát)*

STT	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	DIỆN TÍCH (m2)	Giá đất theo Bảng giá đất (đồng/m2)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Tiền đặt trước 20% (đồng/lô)	Tiền bán hồ sơ đồng/hs	GHI CHÚ
1	LK-1:11	271.92	3,900,000	1,272,585,600	254,517,000	200,000	đầu ve
2	LK-1:12	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
3	LK-1:13	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
4	LK-1:14	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
5	LK-1:15	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
6	LK-1:17	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
7	LK-1:18	199.96	3,900,000	935,812,800	187,163,000	100,000	Đầu ve
8	LK-2:44	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
9	LK-2:47	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
10	LK-2:48	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
11	LK-2:49	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
12	LK-2:50	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
13	LK-2:51	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
14	LK-2:52	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
15	LK-2:53	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
16	LK-2:55	275.52	3,900,000	1,289,433,600	257,887,000	200,000	Đầu ve
17	LK-3:03	141.00	3,900,000	549,900,000	109,980,000	100,000	
18	LK-3:09	141.00	3,900,000	549,900,000	109,980,000	100,000	
19	LK-3:10	141.00	3,900,000	549,900,000	109,980,000	100,000	
20	LK-3:11	141.00	3,900,000	549,900,000	109,980,000	100,000	
21	LK-3:12	141.00	3,900,000	549,900,000	109,980,000	100,000	
22	LK-3:13	141.00	3,900,000	549,900,000	109,980,000	100,000	
23	LK-3:14	141.00	3,900,000	549,900,000	109,980,000	100,000	
24	LK-3:17	163.5	3,900,000	765,180,000	153,036,000	100,000	Đầu ve
25	LK-3:18	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
26	LK-3:19	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
27	LK-3:20	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	

28	LK-3:21	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
29	LK-3:22	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
30	LK-3:23	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
31	LK-3:24	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
32	LK-3:25	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
33	LK-3:26	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
34	LK-3:27	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
35	LK-3:28	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
36	LK-3:29	374.03	3,900,000	1,750,460,400	350,092,000	200,000	Đầu ve
37	LK-4:01	253.14	3,900,000	1,184,695,200	236,939,000	200,000	Đầu ve
38	LK-4:02	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
39	LK-4:03	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
40	LK-4:04	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
41	LK-4:05	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
42	LK-4:06	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
43	LK-4:07	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
44	LK-4:08	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
45	LK-4:09	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
46	LK-4:10	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
47	LK-4:11	144.00	3,900,000	561,600,000	112,320,000	100,000	
48	LK-4:12	204.00	3,900,000	795,600,000	159,120,000	100,000	
49	LK-5:01	318.92	3,900,000	1,492,545,600	298,509,000	200,000	Đầu ve
50	LK-5:02	137.34	3,900,000	535,626,000	107,125,000	100,000	
51	LK-5:03	135.47	3,900,000	528,333,000	105,667,000	100,000	
52	LK-5:04	133.59	3,900,000	521,001,000	104,200,000	100,000	
53	LK-5:05	131.72	3,900,000	513,708,000	102,742,000	100,000	
54	LK-5:06	129.85	3,900,000	506,415,000	101,283,000	100,000	
55	LK-5:07	127.98	3,900,000	499,122,000	99,824,000	100,000	
56	LK-5:08	118.30	3,900,000	461,370,000	92,274,000	100,000	
57	LK-5:09	116.43	3,900,000	454,077,000	90,815,000	100,000	
58	LK-5:10	114.55	3,900,000	446,745,000	89,349,000	100,000	
59	LK-5:11	112.68	3,900,000	439,452,000	87,890,000	100,000	
60	LK-5:12	110.81	3,900,000	432,159,000	86,432,000	100,000	
61	LK-5:13	108.94	3,900,000	424,866,000	84,973,000	100,000	
62	BT-1:01	341.85	3,900,000	1,599,858,000	319,972,000	200,000	Đầu ve
63	BT-1:02	380.81	3,900,000	1,485,159,000	297,032,000	200,000	
64	BT-1:03	339.84	3,900,000	1,325,376,000	265,075,000	200,000	
65	BT-1:04	330.00	3,900,000	1,287,000,000	257,400,000	200,000	
66	BT-1:05	330.00	3,900,000	1,287,000,000	257,400,000	200,000	

30-6
TỶ
GIÁ
ANH
HÀ

67	BT-1:06	330.00	3,900,000	1,287,000,000	257,400,000	200,000	
68	BT-1:07	330.00	3,900,000	1,287,000,000	257,400,000	200,000	
69	BT-1:08	330.00	3,900,000	1,287,000,000	257,400,000	200,000	
70	BT-1:09	330.00	3,900,000	1,287,000,000	257,400,000	200,000	
71	BT-1:10	330.00	3,900,000	1,287,000,000	257,400,000	200,000	
72	BT-1:11	330.00	3,900,000	1,287,000,000	257,400,000	200,000	
73	BT-1:12	330.00	3,900,000	1,287,000,000	257,400,000	200,000	
74	BT-1:13	330.00	3,900,000	1,287,000,000	257,400,000	200,000	
75	BT-1:14	330.00	3,900,000	1,287,000,000	257,400,000	200,000	
76	BT-1:15	330.00	3,900,000	1,287,000,000	257,400,000	200,000	
77	BT-1:16	330.00	3,900,000	1,287,000,000	257,400,000	200,000	
78	BT-1:17	308.52	3,900,000	1,443,873,600	288,775,000	200,000	Đầu ve
Tổng cộng 78 lô		15082.67		60,778,153,800			

